

NÔNG DÂN THIẾU VỐN - LỰC CẢN KHÔNG NHỎ TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG HỘ LÊN SẢN XUẤT HÀNG HOÁ LỚN

Ths. Đặng Thị Thu Hiền

Học viện Kỹ thuật Mật mã

TS. Ngô Hoài Anh

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Khu vực nông nghiệp, nông thôn Việt Nam chiếm hơn 70% dân số và hơn 72% lực lượng lao động nhưng chỉ chiếm 17% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế của hệ thống tổ chức tín dụng¹. Do vậy, từ khi nước ta tiến hành công cuộc đổi mới (1986) cho đến nay, thiếu vốn để sản xuất vẫn là căn bệnh trầm kha của cả nền nông nghiệp nói chung và hộ nông dân nói riêng.

Trong những năm đầu đổi mới, các hộ nông dân đều trong tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng, đặc biệt là các hộ nông dân ở miền Bắc. Thời kỳ tồn tại của mô hình hợp tác hoá - tập thể hoá, nhờ công sức lao động tập thể nhiều năm, nhờ sự viện trợ quốc tế và bao cấp của Nhà nước (vật tư, phương tiện, vốn liếng của Nhà nước đầu tư trực tiếp cho nông nghiệp) mà trước khi giải thể hoặc chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, nhiều hợp tác xã đã có một vốn liếng không nhỏ: tài sản cố

định sản xuất và phi sản xuất, tài sản lưu động, quỹ không chia, quỹ dự trữ... Khi chuyển sang kinh tế hộ, đáng tiếc là không có chủ trương, hướng dẫn của Nhà nước về cách thức sử dụng số tài sản công đó. Hiện tượng phổ biến là đem chia cho từng hộ hoặc dễ phân tán, mất mát. Trong thực tế, việc phân tán tài sản công như vậy không đem lại sự hỗ trợ đáng kể cho sự phát triển của kinh tế nông hộ. Trong những năm đầu đổi mới, Nhà nước cũng chưa có chính sách tín dụng kịp thời cho kinh tế hộ, vì vậy, các hộ nông dân đều trong tình trạng thiếu vốn nghiêm trọng. Hiện tượng nông dân phải đi vay nặng lãi xảy ra khá phổ biến ở nông thôn.

Tình trạng thiếu vốn gây trở ngại lớn đến khả năng nâng cao trình độ thâm canh nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, mở mang ngành nghề, tăng thu nhập cho các hộ.

Từ khoảng giữa thập niên 90 trở đi, các hộ đã bắt đầu có sự tích lũy (sự tích lũy chưa hẳn đã dựa trên một nền nông nghiệp thặng dư mà là do tiết kiệm chi tiêu là chính), đồng thời hệ thống ngân hàng thương mại hình thành, chủ công là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã chuyển từ cho các hợp tác xã nông nghiệp vay là chủ yếu sang cho các hộ nông dân vay là chủ yếu. Vì vậy, nhu cầu để vốn tái sản xuất giản đơn không căng thẳng như trước nhưng hiện nay nhiều hộ lại thiếu vốn để mở rộng quy mô sản xuất hàng hoá.

Kinh tế thị trường phát triển, nông nghiệp, nông thôn và người nông dân càng khó có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài chính - tín dụng. Theo các số liệu chưa đầy đủ, trong 5 năm (2003-2007), Việt Nam đầu tư cho phát triển nông nghiệp chỉ đạt 113 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,7% vốn đầu tư Nhà nước và mới chỉ đáp ứng 17% nhu cầu của khu vực nông nghiệp. Bảo hộ nông nghiệp mới chỉ ở mức 4% (260 triệu USD), trong khi cam kết với WTO là 10% (650 triệu USD) so với giá trị sản lượng nông nghiệp.

Đầu tư cho khuyến nông chỉ là 0,13% GDP (trong khi các nước khác tỷ lệ này là 4%). Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp, nông thôn mới chiếm 3% tổng nguồn FDI... Ước tính đến tháng 6/2008, dư nợ cho vay đối với hộ sản xuất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

và hệ thống Quỹ Tín dụng Nhân dân, cộng với vốn của Ngân hàng Chính sách Xã hội cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách đạt khoảng 181.500 tỷ đồng, số dư nợ này chỉ chiếm khoảng 17% tổng dư nợ cho vay các thành phần kinh tế của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Nông nghiệp là khu vực sinh lời thấp, chi phí cao, nhiều rủi ro khách quan (thiên tai, dịch bệnh, khả năng trả nợ của khách hàng thấp...) nên luồng vốn đầu tư, đặc biệt là vốn thương mại không đổ vào nhiều. Bên cạnh đó có nhiều nguyên nhân làm cho các hộ nông dân khó tiếp cận các nguồn tài chính. Trước hết, do tích lũy của các nông hộ rất thấp. Theo số liệu của Tổng điều tra Nông nghiệp, Nông thôn năm 2011 của Tổng cục Thống kê, vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn là 17,4 triệu đồng, gấp 2,6 lần so với 01/7/2006. Nếu loại trừ yếu tố trượt giá thì vốn tích lũy bình quân 1 hộ nông thôn năm 2011 tăng khoảng 41% so với năm 2006 – cao hơn so với mức tăng trưởng kinh tế nước ta trong thời kỳ 2006-2011 (gần 40%). Tuy nhiên, vốn tích lũy của các hộ sản xuất phi nông nghiệp vẫn cao hơn rất nhiều các hộ thuần nông. Vốn tích lũy bình quân của hộ thương nghiệp là 34,9 triệu đồng, hộ thủy sản là 25,2 triệu đồng, trong khi đó hộ nông nghiệp thuần túy chỉ là 12,9 triệu đồng. Lý do chính của việc tiết kiệm tiền trong phần đông các hộ gia đình nông thôn không phải

là tích lũy để mở rộng sản xuất mà: 82% số người được hỏi trả lời là để chi trả khám và chữa bệnh khi cần thiết, 70% trả lời là để đề phòng các nhu cầu chi tiêu đột xuất khác, chỉ 6% mong đợi lợi nhuận hay lãi suất. Đặc biệt, từ năm 2007 đến nay, tỷ lệ lạm phát càng cao, mức tích lũy của người dân càng thấp trong khi vốn cần để đầu tư sản xuất ngày càng nhiều.

Trước thực tế đó, ngày 12-4-2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định 41/2010/NĐ-CP (NĐ 41) về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp-nông thôn nhằm khuyến khích các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng cho vay, đầu tư vốn vào lĩnh vực nông nghiệp-nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo và từng bước nâng cao đời sống cư dân vùng nông thôn. Theo đó, cá nhân, hộ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có thể được cho vay không có bảo đảm bằng tài sản tối đa đến 50 triệu đồng. Cùng với hình thức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, các hộ kinh doanh, sản xuất ngành nghề hoặc làm dịch vụ phục vụ nông nghiệp, nông thôn được xem xét cho vay tối đa đến 200 triệu đồng; hợp tác xã, chủ trang trại được xem xét cho vay tối đa đến 500 triệu đồng. Nghị định 41 ra đời được đánh giá là “đòn bẩy” cho hàng ngàn hộ kinh tế cá thể cũng như tập thể. Thế nhưng đã hơn

1 năm triển khai thực hiện, số hộ nông dân hợp tác xã hay chủ trang trại tiếp cận được nguồn vay từ các ngân hàng còn hết sức hạn chế. Hạn mức cho vay vẫn còn thấp, thường chỉ từ 8-10 triệu đồng/hộ để canh tác lúa, rau, màu, chăn nuôi; trong khi vay nuôi tôm cũng chỉ ở mức gấp đôi trồng lúa (15-20 triệu đồng). Trong số đó, nông dân trồng lúa là những hộ thiếu vốn sản xuất nhiều hơn cả, nhất là những hộ có diện tích đất từ 0,5 - 1ha. Vì thiếu vốn sản xuất nên có đến gần 64% hộ nông dân trồng lúa phải đi vay ngoài với lãi suất từ 3 - 5%/tháng, vì thế nên không được hưởng trọn tiền lời từ trồng lúa vốn đã quá ít ỏi. Chính vì thiếu vốn sản xuất, phải trả tiền gốc và lãi vay nên phần lớn nông dân phải bán lúa ngay sau khi thu hoạch, mà đa phần là bán lúa tươi. Theo kết quả điều tra của Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) trên 1.600 nông hộ ở 4 tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và Trà Vinh cho thấy trong vụ đông xuân có đến 70,5% số hộ bán lúa tươi, vụ hè thu là 73,4% và vụ thu đông là có hơn 80% số hộ bán lúa tươi. Theo khảo sát của Viện Lúa ĐBSCL, những hộ nông dân thường xuyên vay ngân hàng và vay tự do bên ngoài lên đến 63,5%, với số lượng tiền vay từ 15 - 40 triệu đồng/hộ, chỉ có 36,5% số hộ là sản xuất với vốn tự có. Với mức vốn thấp như thế, nông dân chưa thể đầu tư thỏa đáng để phát triển sản xuất, gia tăng rõ rệt thu nhập. Đây là một

trong những lực cản ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của hợp tác xã cũng như các hộ cá thể trong phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn.

Mặt khác, theo Nghị định 41, nông dân không cần thế chấp tài sản khi vay đến 50 triệu đồng. Nhưng thực tế, nông dân đều phải thế chấp tài sản và cũng rất khó vay vì thủ tục rất phức tạp, chậm chạp, thậm chí có những nơi nông dân phải tốn nhiều chi phí thông qua “cò” mới được vay...

Giải bài toán về vốn cho thị trường tài chính nông thôn nói chung và phát triển kinh tế nông hộ là một vấn đề hết sức khó khăn. Trong bối cảnh mới gia nhập WTO, nền kinh tế còn nhiều bất ổn với giá dầu và giá lương thực, Việt Nam, cũng như các nước đang phát triển trên thế giới, phải đối phó với vấn đề thiếu vốn nói chung, đặc biệt thiếu vốn cho lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn. Trên thực tế, việc đặt ra mục tiêu tăng trưởng cao thường dựa vào tăng trưởng của khu vực sản xuất công nghiệp - thương mại và dịch vụ, khu vực nông nghiệp ít nhận được sự quan tâm. Vì vậy, việc cần làm ngay

là Nhà nước cần sớm sửa đổi Nghị định 41 cho sát với tình hình thực tế. Đồng thời, Chính phủ, các tổ chức tài chính cần có những giải pháp tạo nguồn và sử dụng vốn có hiệu quả, cần có những “đòn bẩy” tài chính thực sự để hộ nông dân đầu tư cải tiến kỹ thuật, tái sản xuất mở rộng, từ đó thúc đẩy kinh tế nông hộ phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá lớn. Có như vậy, mục tiêu xây dựng nông thôn mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn mới đạt hiệu quả như mong muốn.

Tài liệu tham khảo

- 1/ Trung tâm Thông tin tin dụng, 2012
- 2/ Liên minh hợp tác xã Việt Nam. vca.org.vn
- 3/ Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ miền Nam. Socencoop.org.vn
- 4/ Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn. Dcrrd.gov.vn
- 5/ Báo Nông nghiệp Việt Nam. Nongnghiep.vn
- 6/ Tổng cục Thống kê. Gso.gov.vn